TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2020
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Nhi

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Kim Luyến

2. Bà Trần Thị Dung

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 158/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **NTNP**, sinh năm 1966. (có mặt)

Địa chỉ: Số xyz, xyz, xyz.

- *Bị đơn:* Ông **TVN**, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số xxx,yyy,zzz.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà NTNP trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông TVN tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa, Cần Thơ (tỉnh Hậu Giang cũ) ngày 18 tháng 7 năm 1989. Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc được thời gian dài, tuy nhiên đến những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hạnh phúc, không thể

hàn gắn với nhau. Sau nhiều lần tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm nhằm duy trì cuộc hôn nhân nhưng không thể đạt được kết quả như mong muốn. Mặc dù bà và ông N vẫn đang sống chung nhà nhưng bà và ông đã ly thân hơn 01 năm nay. Hiện tại bà xác định không còn tình cảm với ông N nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông TVN.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà P và ông TVN có 02 con chung là TKN(nam) sinh năm 1990 và TTHN (nữ) sinh năm 1993, các con đã trưởng thành, không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Phía bị đơn ông TVN:*** Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hợp lệ đối với ông N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 19/5/2020 và ngày 16/7/2020 nhưng ông N đều vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà NTNP và ông TVN tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa, Cần Thơ (tỉnh Hậu Giang cũ) ngày 18 tháng 7 năm 1989 nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà P và ông N phát sinh mâu thuẫn và bà P có đơn khởi kiện nên xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn*", tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

***2]Về thủ tục tố tụng*:**

Bị đơn ông TVN đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa (vào các ngày 05/8/2020 và ngày 24/8/2020) nhưng ông N đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3]Về nội dung:

- *Xét về quan hệ hôn nhân:* Bà P và ông N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 18/7/1989, ông bà sống hạnh phúc một thời gian dài tuy nhiên đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà P thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc. Ông bà vẫn cố gắng sống chung để mong tìm hiểu nguyên nhân bất đồng để cùng khắc phục nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng vẫn không thể hàn gắn tình cảm được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông TVN.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật định nhằm tạo điều kiện để các đương sự hoá giải những mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ nhưng ông N đều vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ ông N không thật sự tha thiết với cuộc sống hôn nhân này. Hơn nữa, trên thực tế ông bà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà và ông N đã sống ly thân hơn 01 năm. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà P và ông N đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, đời sống chung giữa ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho bà P cũng như ông N. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà NTNP và ông TVN có 02 con chung là TKN(nam) sinh năm 1990 và TTHN (nữ) sinh năm 1993, các con đã trưởng thành, không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ghi nhận lời trình bày của bà P về việc bà và ông N không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà NTNP phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NTNP.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà NTNP được ly hôn ông TVN.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên TKN(nam) sinh năm 1990 và TTHN (nữ) sinh năm 1993, các con chung đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ghi nhận lời trình bày của bà NTNP không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà NTNP phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002346 ngày 26/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà P đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án *(đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết),* để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND P. An Hòa, Q. Ninh Kiều;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- CCTHADS Q.Ninh Kiều;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi